

Bản án số: 617/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 26-8-2022
V/v: “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Thạnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Ngô Hữu Quang
2. Ông Nguyễn Đình Rành

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thơm - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng Gấm - Kiểm sát viên

Ngày 26 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 256/2021/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 5 năm 2021 về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 216/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 7 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số: 186/2022/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Đồng Văn T, sinh năm 1967

Địa chỉ: Số 65/2 hẻm 6, đường T, tổ 53, khu phố 4, phường T, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ liên lạc: Số 45 đường D5A, khu phố 2, phường P, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Bà Võ Thị N, sinh năm 1972

Địa chỉ: Số 65/2 hẻm 6, đường T, tổ 53, khu phố 4, phường T, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

(ông Đồng Văn T có mặt tại phiên tòa, bà Võ Thị N vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 07/5/2021 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Đồng Văn T trình bày: Ông và bà Võ Thị N qua thời gian quen

biết, tìm hiểu thì cả hai tự nguyện tiến tới hôn nhân vào năm 1996, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, nhưng đã mất giấy kết hôn. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được 20 năm thì phát sinh mâu thuẫn và mâu thuẫn ngày càng nhiều hơn, luôn bất đồng quan điểm với nhau trong cuộc sống, nên thường xuyên cãi vã với nhau làm cho không khí trong gia đình luôn căng thẳng, nên cả hai đã sống ly thân từ năm 2016 đến nay. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không còn khả năng đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được, nên ông yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông và bà Võ Thị N.

- Về con chung: Ông Đồng Văn T xác định có 02 con chung tên Đồng Đình T, sinh ngày 05/10/1996 và Đồng Trí B, sinh ngày 19/10/2002. Đã thành niên.

- Về tài sản chung, nợ chung: Ông Đồng Văn T xác định không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Việc ly hôn của vợ chồng không nhằm trốn tránh bất kỳ nghĩa vụ nào.

Về phía bị đơn bà Võ Thị N: Tại Bản trình bày ý kiến ngày 05/7/2022 bà Võ Thị N trình bày với nội dung là không quan tâm chuyện này.

Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải về tài sản ngày 04/7/2022, bà Võ Thị N đã được Tòa án triệu tập họp lệ, nhưng vắng mặt không lý do, nên không tiến hành phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải được.

Tại phiên tòa hôm nay:

Nguyên đơn ông Đồng Văn T trình bày: Ông thừa nhận là ông và bà Võ Thị N chung sống với nhau không có giấy đăng ký kết hôn. Hiện mâu thuẫn vợ chồng rất trầm trọng, không thể hàn gắn được, nên ông vẫn giữ nguyên yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông và bà Võ Thị N. Về con chung: Ông T xác định có hai con chung tên Đồng Đình T và Đồng Trí B đã thành niên. Về tài sản chung, nợ chung: Ông T xác định không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn bà Võ Thị N đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần 2 để tham gia phiên tòa, nhưng vắng mặt không lý do.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án thực hiện các thủ tục tố tụng đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị

đơn không thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 vì vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án mặc dù được triệu tập hợp lệ.

- Về việc giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

Về án phí: Ông T phải chịu tiền án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

[1.1] Theo đơn khởi kiện đề ngày 07/5/2021, ông Đồng Văn T yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông T và bà Võ Thị N. Theo Thông báo số 256/2021/TB-TA ngày 11/5/2021, Tòa án thụ lý vụ án hôn nhân và gia đình về “Ly hôn”. Tại Biên bản về việc không tiến hành hòa giải được ngày 04/7/2022, ông Đồng Văn T xác định tình cảm vợ chồng không còn, không còn khả năng hàn gắn, nên yêu cầu được ly hôn bà Võ Thị N. Do đó, căn cứ Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 Tòa án thụ lý đơn yêu cầu ly hôn theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng.

[1.2] Ông Đồng Văn T và bà Võ Thị N tự nguyện chung sống với nhau năm 1996, nhưng không đăng ký kết hôn, quá trình chung sống có hai con chung đã thành niên, nay vợ chồng xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, nên ông T yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông và bà Võ Thị N. Ông T và bà Nguyễn đang cư trú tại Quận 7, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về sự có mặt của đương sự: Tại phiên tòa ngày 28/7/2022 và tại phiên tòa hôm nay, bị đơn bà Võ Thị N vắng mặt không có lý do, mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập tham gia phiên tòa. Căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Về áp dụng pháp luật nội dung:

[3.1] Về hôn nhân: Đối với yêu cầu của ông Đồng Văn T về việc không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông T và bà Võ Thị N, Hội đồng xét xử xét thấy: Theo Giấy khai sinh tên Đồng Đình T, sinh ngày 05/10/1996 (số 20/97,

quyển số 01 do Ủy ban nhân dân xã L, huyện T, tỉnh L cấp ngày 03/3/1997) và Giấy khai sinh tên Đồng Trí B, sinh ngày 19/10/2002 (số 269, quyển số 02/2002 do Ủy ban nhân dân phường T, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 17/12/2002) thể hiện tên cha Đồng Văn T, tên mẹ Võ Thị N. Theo Văn bản số 246/UBND-VP ngày 12/5/2022 của Ủy ban nhân dân xã L, huyện T, tỉnh L xác nhận: Qua kiểm tra phần mềm hộ tịch, sổ xác nhận tình trạng hôn nhân, sổ đăng ký kết hôn không tìm thấy thông tin của bà Võ Thị N về tình trạng hôn nhân cũng như đăng ký kết hôn tại địa phương. Theo Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân số 443/UBND - NTTN ngày 01/6/2022 của Ủy ban nhân dân phường T, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh xác nhận hiện tại ông Đồng Văn T chưa đăng ký kết hôn với ai. Theo kết quả xác minh tình trạng hôn nhân ngày 22/11/2021 của Ủy ban nhân dân phường T, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh xác nhận ông Đồng Văn T hiện không còn cư trú tại địa phương.

Như vậy, có cơ sở xác định ông Đồng Văn T và bà Võ Thị N chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1996, hai bên có đủ điều kiện để đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 8 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, nhưng không đăng ký kết hôn. Đồng thời có cơ sở xác định hôn nhân của ông Đồng Văn T và bà Võ Thị N đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được vì cả hai sống ly thân từ năm 2016 đến nay. Tại khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này”, nên yêu cầu của ông Đồng Văn T về việc không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông T và bà Võ Thị N là có căn cứ, được chấp nhận.

[3.2] Về con chung: Ông Đồng Văn T xác định có hai con chung tên Đồng Đình T, sinh ngày 05/10/1996 và Đồng Trí B, sinh ngày 19/10/2002 đã thành niên.

[3.3] Về tài sản chung, nợ chung: Ông Đồng Văn T xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Ông Đồng Văn T phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm, theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào các Điều 14, Khoản 2 Điều 53 và Điều 57 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông Đồng Văn T.

- Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Đồng Văn T và bà Võ Thị N.

- Về con chung: Ông Đồng Văn T xác định có hai con chung tên Đồng Đình T, sinh ngày 05/10/1996 và Đồng Trí B, sinh ngày 19/10/2002. Đã thành niên.

- Về tài sản chung, nợ chung: Ông Đồng Văn T xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2. Về án phí: Ông Đồng Văn T chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng, theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0042594 ngày 11/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Đồng Văn T đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Ông Đồng Văn T được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bà Võ Thị N vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh có quyền kháng nghị bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 7;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP (TK *Thom*).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Thạnh